

Số: 58 /TB-HĐBT

Hoàng Mai, ngày 12 tháng 5 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai 2**

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

**Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo:**

- Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II: *(Có phương án chi tiết kèm theo)*
- Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **12/5÷21/5/2026**.
- Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 14, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Nhà văn hóa khối 15, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai *(qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)* hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

- Phòng Văn hoá – Xã hội phường có trách nhiệm đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II đề nghị Trưởng khối 15 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND phường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KT, HT và ĐT, VHXXH
- Trưởng khối 15;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Huy Hùng và bà Lê Thị Quyên**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Thôn Nam Đông Hạ, xã Cổ Lễ, tỉnh Ninh Bình.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK) BĐDC 12, Trích đo số 48/2025	137	11.581,0	73.000	845.413.000
	<b>Cộng:</b>		<b>11.581,0</b>		<b>845.413.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục				ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
<b>A</b>	<b>Vật kiến trúc</b>							<b>10.359.000</b>
1	Cột bê tông tiết diện 10*10, cao 1.8m, 9 cột				md	16,2	194.000	3.143.000
2	Hàng rào thép gai 03 sợi dài 88md, k/c 2,4m				md	88	82.000	7.216.000
<b>B</b>	<b>Cây cối, hoa màu</b>							<b>523.205.000</b>
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	<b>Cây trồng chính</b>							<b>523.205.000</b>
1	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm			463	cây	100%	130.000	60.190.000
2	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm (vượt 1 lần mật độ)			463	cây	50%	130.000	30.095.000
3	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm (vượt mật độ còn lại)			8.074	cây	30%	130.000	314.886.000
	<b>Cây trồng phụ</b>							
4	Dứa Queen	3,2841	10.000	32.841	kg	50%	7.000	114.944.000
5	Cây cau vua đk <5cm			200	cây	30%	50.000	3.000.000
6	Xoan đầu đk 10-15cm			3	cây	30%	100.000	90.000
<b>C</b>	<b>Vật nuôi</b>							<b>0</b>

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>		845.413.000

B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		
2	Cây cối, hoa màu		523.205.000
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.368.618.000</b>

**IV. PHẦN HỖ TRỢ:**

**1.717.826.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$11.581,0 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 1.690.826.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống

(Tỷ lệ thu hồi: 100,0 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 27.000.000$$

3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp:

0

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

**3.086.444.000**

Bằng chữ: Ba tỷ không trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....

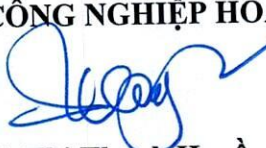
**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Trịnh Thị Thanh Huyền**

Đại diện Chủ đầu tư



**Hoàng Thị Hà**

Cán bộ HD GPMB




**Lê Đăng Hiệp**

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thuý**

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**

Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Trần Đức Tài và bà Nguyễn Thị Hải

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khối 2, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- Bà: Nguyễn Thị Mai Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng;
- Ông: Hồ Thái Bình Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Ông: Lê Đăng Hiệp Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Bà: Phan Thị Ngọc Thuý Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Ông: Nguyễn Trọng Tài Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;
- Bà Hoàng Thị Hà CB Hội đồng BT, HT&TĐC.

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/ND-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (BHK) BĐĐC 11, Trích đo số 241/2024	109	6.394,2		0
	<b>Cộng:</b>		<b>6.394,2</b>		<b>0</b>

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc				0

<b>B</b>	<b>Cây cối, hoa màu</b>							<b>6.525.000</b>
<b>STT</b>	<b>Loại cây</b>	<b>Năng suất</b>	<b>Diện tích trồng (m2)</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>ĐV tính</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền (đ)</b>
1	Sả		2.610		m2	50%	5.000	6.525.000
<b>C</b>	<b>Vật nuôi</b>							<b>0</b>

**III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:**

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>		0
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		
2	Cây cối, hoa màu		6.525.000
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>6.525.000</b>

**IV. PHẦN HỖ TRỢ:**

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

6.525.000

Bằng chữ:

Sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**

Đại diện Chủ đầu tư



**Hoàng Thị Hà**

Cán bộ HD GPMB



**Phan Thị Ngọc Thủy**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 07 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Bá Luân và bà Nguyễn Thị Thanh** Nhân khẩu: 5

Địa chỉ: Khối Bắc Mỹ, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền     | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

**I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:**

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐDC 10, Trích đo số 48/2025	68	1.493,4	7.500	11.201.000
2	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐDC 10, Trích đo số 48/2025	93	9.286,5	7.500	69.649.000
<b>Cộng:</b>			<b>10.779,9</b>		<b>80.850.000</b>

## II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A		Vật kiến trúc						0
B		Cây cối, hoa màu (I+II)						64.679.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Diện tích trồng (ha)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cây rừng trồng tập trung 5-7 năm		1,07799	1,07799	ha	100%	60.000.000	64.679.000
C		Vật nuôi						0

## III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	<b>ĐẤT ĐAI</b>	80.850.000
B	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	64.679.000
3	Vật nuôi	0
<b>Tổng cộng:</b>		<b>145.529.000</b>

## IV. PHẦN HỖ TRỢ:

170.699.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$10.779,9 \text{ m}^2 \times 7.500 \times 2 = 161.699.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 17,90 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 4 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 9.000.000$$

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

**316.228.000**

Bằng chữ: Ba trăm mười sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn.

## V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....  
 .....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ  
ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
Chuyên viên phòng KTHT &  
ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
Cán bộ HD GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT,  
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc  
Thùy**  
Chuyên viên  
phòng KT, HT &



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng  
KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng  
KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Trần Phẫu**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Khối 3, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số /UBND-NN, ngày /5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2024	73	11.463,6	7.500	85.977.000
2	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2024	138	1.152,2	7.500	8.642.000
3	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2024	139	813,9	7.500	6.104.000
	<b>Cộng:</b>		<b>13.429,7</b>		<b>100.723.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A Vật kiến trúc								
B Cây cối, hoa màu (I+II)								
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
<b>I Thửa 73</b>								
<b>Cây trồng chính</b>								
								<b>159.431.000</b>
								<b>94.321.000</b>
1	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm	400	11.463,6	459	cây	100%	130.000	59.611.000
2	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm (vượt 1 lần mật độ)			459	cây	50%	130.000	29.835.000
3	Nhãn còn nhỏ đk <2,5cm (vượt mật độ còn lại)			125	cây	30%	130.000	4.875.000
<b>Cây trồng xen</b>								
								<b>61.040.000</b>
4	Keo trồng tập trung từ 3,5 năm tuổi			1,1464	ha	30%	50.000.000	17.195.000
5	Cam còn nhỏ đk <2 cm			848	cây	30%	100.000	25.440.000
6	Cau vua còn nhỏ đk 2,5 cm			1.227	cây	30%	50.000	18.405.000
<b>II Thửa 139</b>								
								<b>4.070.000</b>
7	Keo trồng tập trung từ 3,5 năm tuổi			0,0814	ha	100%	50.000.000	4.070.000

C	Vật nuôi							0
---	----------	--	--	--	--	--	--	---

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		100.723.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		
2	Cây cối, hoa màu		159.431.000
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>260.154.000</b>

### IV. PHÂN HỖ TRỢ:

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: %)

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

**260.154.000**

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng

### V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

### ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

### CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Hoàng Thị Hà**  
Cán bộ HĐ GPMB



**Phan Thị Ngọc Thuý**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 8 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Lê Khắc Khoa và vợ là bà Nguyễn Thị Trọng**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Khối 5, phường Hoàng Mai.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHT&ĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK) BĐĐC 11, Trích đo số 241/2024	37	5080,1	73.000	370.847.000
2	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK) BĐĐC 11, Trích đo số 241/2024	93	1931,8	73.000	141.021.000
3	Đất trồng cây hằng năm khác (BHK) BĐĐC 11, Trích đo số 241/2025	52	3.436,4	73.000	250.857.000
	<b>Cộng:</b>		<b>10.448,3</b>		<b>762.725.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)			
<b>A</b>	<b>Vật kiến trúc</b>				<b>66.504.000</b>			
	<b>Thửa 93</b>							
1	Đường ống nước PVC phi 34 dài 230m	md	230	26.000	5.980.000			
2	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 50m	md	50	271.000	13.550.000			
3	Hàng rào thép gai 02 sợi dài 65md, k/c 2,5m (thửa 93)	md	65	70.000	4.550.000			
	<b>Thửa 37</b>							
4	Hàng rào thép gai 03 sợi dài 25md, k/c 2,5m	md	25	82.000	2.050.000			
5	Hàng rào lưới B40, cọc bê tông S=(30*1,2m)	m2	36	189.000	6.804.000			
	<b>Thửa 52</b>							
6	Hàng rào thép gai 02 sợi dài 72md, k/c 2,5m (thửa 93)	md	72	70.000	5.040.000			
7	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 90m	md	90	317.000	28.530.000			
					0			
<b>B</b>	<b>Cây cối, hoa màu</b>				<b>397.890.000</b>			
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)

<b>Thửa 93</b>								
1	Dứa Queen	3,2841	1.932	6.344	kg	50%	7.000	22.205.000
2	Cây dứa còn nhỏ 1m<cao<2m			22	cây	30%	200.000	1.320.000
3	Nhãn CTH 2,5cm<đk<4 cm			88	cây	30%	200.000	5.280.000
4	Cam đk >4cm			121	cây	100%	300.000	36.300.000
5	Cam đk >4cm			121	cây	50%	300.000	18.150.000
6	Cam đk >4cm			18	cây	30%	300.000	1.620.000
7	Cây hồng xiêm đã TH			39	cây	30%	450.000	5.265.000
<b>Thửa 37</b>								
8	Nhãn CTH 2,5cm<đk<4 cm			203	cây	100%	200.000	40.600.000
9	Nhãn CTH 2,5cm<đk<4 cm			203	cây	50%	200.000	20.300.000
10	Nhãn CTH 2,5cm<đk<4 cm			45	cây	30%	200.000	2.700.000
11	Ôi TH			272	cây	30%	300.000	24.480.000
12	Cau vua 10cm<đk<15cm			60	cây	30%	138.000	2.484.000
13	Mít TH			6	cây	30%	600.000	1.080.000
14	Mãng TH			4	khóm	30%	150.000	180.000
15	Chuối			18	bụi	50%	50.000	450.000
16	Na TH			3	cây	30%	400.000	360.000
17	Mía đường	5,675	3.470,0	19.692	m2	50%	1.300	12.800.000
18	Dứa Queen	3,2841	1.540,0	5.058	kg	50%	7.000	17.701.000
19	Lát hoa đk 20-30cm			1	cây	30%	260.000	78.000
20	Xoan đầu đk 10-20cm			1	cây	30%	100.000	30.000
21	Thanh long mới trồng			22	bụi	30%	30.000	198.000
22	Sả			98	m2	50%	5.000	245.000
								<b>92.032.000</b>
<b>Thửa 52</b>								
1	Nhãn đk <2,5cm			137,0	cây	100%	130.000	17.810.000
2	Nhãn đk <2,5cm			137,0	cây	50%	130.000	8.905.000
3	Nhãn đk <2,5cm			662,0	cây	30%	130.000	25.818.000
4	Dứa Queen	3,2841	3.436,4	11.285,5	m2	50%	7.000	39.499.000
<b>C</b>	<b>Vật nuôi</b>							<b>0</b>

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		762.725.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		66.504.000
2	Cây cối, hoa màu		397.890.000
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.227.119.000</b>

**IV. PHẦN HỖ TRỢ:** **1.547.052.000**

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:  
 $10.448,3 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 1.525.452.000$
- Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 74,8 %)  
 $4 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 21.600.000$
- Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp:

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:** **2.774.171.000**

Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

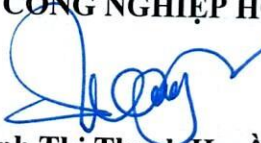
.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư




**Hoàng Thị Hà**  
Cán bộ HĐ GPMB

**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT

**Phan Thị Ngọc Thùy**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**

**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Lê Khắc Thuật và bà Dương Thị Tâm**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Khối 1, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 7 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 06/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (BHK) BĐĐC 13, Trích đo số 241/2024	13	1.086,3	73.000	
1	Đất trồng cây hàng năm (BHK) BĐĐC 13, Trích đo số 241/2024	92	20.407,9	73.000	
	<b>Cộng:</b>		<b>21.494,2</b>		<b>0</b>
	<b>Diện tích trong hạn mức theo quy định</b>		<b>20.000,0</b>	<b>73.000,0</b>	<b>1.460.000.000</b>
	<b>Diện tích vượt hạn mức vượt quy định</b>		<b>1.494,2</b>		

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
<b>A</b>	<b>Vật kiến trúc</b>				<b>311.634.000</b>
1	Nền bê tông đá dăm dày 10cm: S=6*3,5 (Phần diện tích nằm trong hạn mức theo Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024): 0,1%*20,407,9= 20,4 m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	20,4	134.000	2.733.600
2	Đường dẫn nước PVC:				
-	ø48	m	200	43.000	8.600.000
-	ø34	m	250	43.000	10.750.000
-	ø27	m	60	26.000	1.560.000

-	Khóa ø48	cái	4	40.000	160.000
-	Khóa ø34	cái	45	35.000	1.575.000
-	Khóa ø27	cái	20	12.000	240.000
3	Đường tưới nhỏ giọt: ø19=2000m	md	2000	550	1.100.000
4	Đường dây điện >6mm: L=400m	m	400	49.000	19.600.000
5	Giếng khoan đất cấp 3, 2 cái, sâu 80m	md	80	317.000	25.360.000
6	Rào giăng dây thép gai 3 sợi, cọc bê tông, khoảng cách 2,5m: L=400m	md	620	82.000	50.840.000
7	Chuồng trại chăn nuôi xây tấp lô nằm, mái lợp tôn, da trát 2 mặt, nền láng vữa xi măng, đã bao gồm bê tông lót nền và móng, H=2,2m, S=6*4,9 K= 0,91, K= 0,92	m2XD	29,4	1.225.000	30.152.000
8	Chuồng trại chăn nuôi xây tấp lô đứng, mái lợp tôn, da trát 1 mặt, nền láng vữa xi măng, đã bao gồm bê tông lót nền và móng, H=2,7m, S=15,5*10 Kbc=0,92; Kh=0,91	m2XD	155	1.225.000	158.963.000

<b>B Cây cối, hoa màu</b>							<b>678.483.000</b>	
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
<b>Cây trồng chính (Thửa 92)</b>								
1	Cây cam đk thu hoạch			200,0	cây	100%	800.000	160.000.000
2	Cam 3cm<đk<4cm			100	cây	100%	220.000	22.000.000
3	Cam 2cm<đk<3cm			800	cây	100%	150.000	120.000.000
4	Nhãn đk<2,5cm			175	cây	100%	130.000	22.750.000
5	Nhãn đk<2,5cm			1.275	cây	50%	130.000	82.875.000
	Nhãn đk<2,5cm			250	cây	30%	130.000	9.750.000

6	Nhãn 4cm<đk<5cm			1.000	cây	30%	270.000	81.000.000
7	Thanh long nhỏ			170	bụi	30%	30.000	1.530.000
8	Vú sữa 3 năm tuổi, đk 3-5cm, cao 2m			20	cây	30%	180.000	1.080.000
9	Cây dứa S=13000m2	3,2841	13.000	42.693	cây	50%	7.000	149.427.000
10	Cây sả: 3000m2			3.000	m2	50%	5.000	7.500.000
11	Cỏ voi: 2000m2			2.000	m3	30%	4.000	2.400.000
12	Ngô 2000m2			2.000	cây	50%	7.500	7.500.000
13	Đinh lăng			700	cây	30%	19.000	3.990.000
14	Cau ta, đk 1-3cm,cao 40-80cm			25	cây	30%	50.000	375.000
16	Chè xanh, đk 50cm, cao 2m			35	cây	30%	8.000	84.000
17	Xoan dâu, đk 2,5cm, cao 5-7m			10	cây	30%	10.000	30.000
18	Xà cừ, đk 40cm, cao 10m			8	bụi	30%	500.000	1.200.000
19	Sưa đk 20cm, cao 7m			4	cây	30%	260.000	312.000
20	Keo đk 20-30cm, cao 5-7m			25	cây	30%	300.000	2.250.000
21	Cây sung đk 90cm, cao 7m			2	kg	30%	600.000	360.000
22	Cây dẻ hạt, đk 30cm, cao 5-7m			3	cây	30%	500.000	450.000
23	Bưởi thu hoạch			12	cây	30%	450.000	1.620.000
<b>C</b>	<b>Vật nuôi</b>							<b>16.000.000</b>
1	Diện tích mặt nước nuôi cá truyền thống, chu kỳ nuôi 6 tháng, thời gian nuôi từ 3 tháng trở lên.			1.000,0	m2	50%	32.000	16.000.000

### III. TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>		1.460.000.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>		0

1	Nhà cửa, vật kiến trúc		311.634.000
2	Cây cối, hoa màu		678.483.000
3	Vật nuôi		16.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>2.466.117.000</b>

**IV. PHÂN HỖ TRỢ: 3.519.889.000**

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:  
 $20.000,0 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 2.920.000.000$
- Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 95,6 %)  
 $5 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 15.000 \times 30\text{kg} = 27.000.000$
- Hỗ trợ khác đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức quy định:  $1.494,2 * 73.000 * 2 \text{ lần} = 218.153.000$
- Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 349.515.000**

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Nền bê tông đá dăm dày 10cm: S=6*3,5 (Phần diện tích nằm ngoài hạn mức theo Quyết định 42/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024)	50%	m2	0,6	134.000	40.000
2	Nhà kho mái tôn, tường xây đứng, da trát 2 mặt, nền láng vữa xi măng, H=3,2m, S=6,8*4,9	50%	m2XD	33,32	2.785.000	46.398.000
3	Bể cạn có nắp đậy bằng BTCT, xây tấp lô nằm, da trát 2 mặt: V=3,9*5,7*2,7	50%	m3	60,021	1.401.000	42.045.000
4	Bể phốt có nắp đậy bằng BTCT, tấp lô đứng, da trát 1 mặt: V=5,8*4*2,8	50%	m3	64,96	1.975.000	64.148.000
6	Tường xây tấp lô đứng, da trát 2 mặt: S=2,2*1,1+23*0,6*0,6+3*0,6*0,6	50%	m2	11,78	182.000	1.072.000
	Da trát	50%	m2	23,56	83.000	978.000
7	Bờ rào sắt hộp mã kẽm đã sơn (2:4): S=53*2+72*2	50%	m2	250	880.000	110.000.000
8	Bờ rào chằng lưới B40, cọc sắt: S=340*1,2+58*1,8+20*1,3	50%	m2	538,4	189.000	50.879.000
9	Cổng sắt hộp mã kẽm đã sơn: S=3,9*3+4*2,4	50%	m2	21,3	1.100.000	11.715.000
11	Cống thoát nước bằng bê tông qua đường:					
-	Đk 40, L=12m	50%	m	12	147.000	882.000
-	Đk 1,2cm, L=5m	50%	m	5	388.000	970.000

12	Cống thoát nước xây bằng đá, có nắp BTCT, rộng 1,3m L=6m, sâu 0,5-0,8m	50%	m	6	749.000	2.247.000
13	Bờ xây chắn sạt, xây bằng đá, không da trát S=30*1*0,4	50%	m <sup>2</sup>	12	1.534.000	9.204.000
14	Tường xây tấp lô nằm, k da trát 2 mặt: S=8*0,5	50%	m <sup>2</sup>	4,00	182.000	364.000
18	Cửa sắt hộp mã kẽm đã sơn: S=0,7*1,1*4+2,2*2,2	50%	m <sup>2</sup>	7,92	1.100.000	4.356.000
19	Khung thép hình sắt tròn đã sơn ø42 S=23*0,6	50%	md	13,8	550.000	3.795.000
20	Trụ công xây tấp lô: S=0,5*0,5, H=2,5	50%	m <sup>3</sup>	0,625	1.349.000	422.000

**4. Hỗ trợ di dời đối với vật nuôi:**

**5.221.000**

TT	Tên hạng mục	Hệ số L	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Lợn	1	con	10	90.500	905.000
2	Bò nội	1	con	17	214.000	3.638.000
3	Ong	1	thùng	6	113.000	678.000

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

**5.986.006.000**

Bằng chữ: Sáu tỷ không trăm sáu mươi tư triệu, tám trăm sáu mươi nghìn

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
Chuyên viên phòng KT,  
HT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Hoàng Thị Hà**  
Cán bộ HĐ GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT,  
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thuý**  
Chuyên viên  
phòng KT, HT &  
ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng  
KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng  
KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 07 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Xuân Quý và bà Lê Thị Bích**

**Nhân khẩu: 5**

Địa chỉ: Khối 3, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền     | CB Hội đồng BT,HT&TĐC.                       |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 2405/BC-STC ngày 03/4/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 3/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

**I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:**

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) BĐDC 11, Trích đo số 48/2025	80	5.702,8	73.000	416.304.000
	<b>Cộng:</b>		<b>5.702,8</b>		<b>416.304.000</b>

## II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A		Vật kiến trúc						0
B		Cây cối, hoa màu (I+II)						307.200.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	<b>Cây trồng chính</b>							
1	Nhãn thu hoạch	400	5.702,8	228	cây	100%	500.000	114.000.000
2	Nhãn thu hoạch (vượt mật độ lần 1)			23	cây	50%	500.000	5.750.000
3	Nhãn ĐK 2,5-3cm (vượt mật độ lần 1)			205	cây	50%	200.000	20.500.000
4	Nhãn ĐK 2,5-3cm (vượt mật độ còn lại)			1.355	cây	30%	200.000	81.300.000
	<b>Cây trồng xen</b>	Năng suất						
4	Dứa queen	3,2841	5.702,8	18.729	kg	50%	7.000	65.550.000
5	Na xiêm thu hoạch			38	Cây	30%	400.000	4.560.000
6	Keo ĐK 10-20			156	Cây	30%	100.000	4.680.000
7	Keo ĐK 20-30			112	Cây	30%	300.000	10.080.000
8	Sưa ĐK 10-15			20	Cây	30%	130.000	780.000
<b>C</b>	<b>Vật nuôi</b>							<b>0</b>

## III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
<b>A</b>	<b>ĐẤT ĐAI</b>	416.304.000
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	307.200.000

3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>723.504.000</b>

**IV. PHÂN HỖ TRỢ: 859.609.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$5.702,8 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 832.609.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 27.000.000$$

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.583.113.000**

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, một trăm mười ba nghìn đồng chẵn.

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....  
 .....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
 Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
 Đại diện Chủ đầu tư



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
 Cán bộ HĐ GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
 Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thuỳ**  
 Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
 Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
 Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 07 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Bà Hồ Thị Duyên**

**Nhân khẩu: 1**

Địa chỉ: Khối 12, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- Bà: Nguyễn Thị Mai Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng;
- Ông: Hồ Thái Bình Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Ông: Lê Đăng Hiệp Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Bà: Phan Thị Ngọc Thuý Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Ông: Nguyễn Trọng Tài Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Ông: Nguyễn Hoàng Sơn Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
- Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;
- Bà: Đậu Thị Thanh Hiền CB Hội đồng BT, HT&TĐC.

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ báo cáo số 2405/BC-STC ngày 03/4/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 3/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

**I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:**

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 9, Trích đo số 48/2025	87	938,9	7.500	7.042.000
	<b>Cộng:</b>		<b>938,9</b>		<b>7.042.000</b>

**II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:**

A	Vật kiến trúc				0
B	Cây cối, hoa màu (I+II)				0
C	Vật nuôi				0

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	7.042.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	0
3	Vật nuôi	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.042.000</b>

### IV. PHẦN HỖ TRỢ:

**15.434.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$938,9 \text{ m}^2 \times 7.500 \times 2 = 14.084.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 3,00 %)

$$1 \text{ khẩu} \times 3 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 1.350.000$$

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 22.476.000**

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn.

### V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....  
 .....

### ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

### CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
 Chuyên viên phòng  
 KT, HT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
 Đại diện Chủ đầu tư w



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
 Cán bộ HĐ GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
 Chuyên viên phòng  
 KT, HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thủy**  
 Chuyên viên phòng  
 KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
 Chuyên viên phòng  
 KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
 Phó Trưởng phòng  
 KT, HT & ĐT

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



**Nguyễn Thị Mai**  
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 04 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Bà Hồ Thị Toàn**

**Nhân khẩu: 7**

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền     | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	122	4.945,5	73.000	361.022.000
	<b>Cộng:</b>		<b>4.945,5</b>		<b>361.022.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							182.485.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	<b>Cây trồng chính</b>							
1	Nhãn ĐK 3-4cm	400	4.945,5	198	cây	100%	200.000	39.600.000
2	Nhãn ĐK 3-4 cm			198	cây	50%	200.000	19.800.000
3	Nhãn ĐK 3-4 cm			1.104	cây	30%	200.000	66.240.000
	<b>Cây trồng xen</b>	Năng suất						
4	Dứa queen	3,284	4.945,5	16.242	kg	50%	7.000	56.845.000
C	Vật nuôi							0

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	<b>ĐẤT ĐAI</b>	361.022.000
B	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	182.485.000
3	Vật nuôi	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>543.507.000</b>

### IV. PHẦN HỖ TRỢ:

741.073.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$4.945,5 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 722.043.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 25,50 %)

$$7 \text{ khẩu} \times 5 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 15.750.000$$

Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 3.280.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Bờ rào chằng dây thép gai 3 sợi cọc BT và sắt, khoảng cách cột 2-3m	50%	md	80	82.000	3.280.000

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 1.284.580.000**

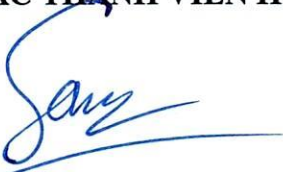
Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....  
.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
Cán bộ HĐ GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thủy**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Bảo Anh và bà Phùng Thị Quỳnh Mai**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Khối 15, phường Hoàng Mai, tỉnh Ninh Bình.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	17	2.097,6	73.000	153.125.000
2	Đất trồng lúa khác (LUK) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	18	1.800,9	73.000	131.466.000
3	Đất trồng lúa khác (LUK) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	19	92,4	73.000	6.745.000
4	Đất trồng lúa khác (LUK) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	22	1.819,3	73.000	132.809.000
6	Đất trồng cây hằng năm (BHK) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	24	1.054,5	73.000	76.979.000
7	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	96	11.298,1	73.000	824.761.000
	<b>Cộng:</b>		<b>18.162,8</b>		<b>1.325.885.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục				ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							0
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
C	Vật nuôi							0

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		1.325.885.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		

1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		0
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.325.885.000</b>

**IV. PHẦN HỖ TRỢ:** **2.673.369.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:  
 $18.162,8 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 2.651.769.000$
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,0 %)  
 $4 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 21.600.000$

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:** **3.999.254.000**

Bằng chữ: *Ba tỷ chín trăm chín mươi chín triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng*

**V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư <sup>w</sup>

**Hoàng Thị Hà**  
Cán bộ HD GPMB

**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT

**Phan Thị Ngọc Thuỳ**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT

**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT

**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**

**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

*Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.*

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Phùng Văn Sơn và bà Trịnh Thị Bắc**

**Nhân khẩu:**

Địa chỉ: Khối 15, phường Hoàng Mai, tỉnh Ninh Bình.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà           | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	99	16.546,5	73.000	1.207.895.000
	<b>Cộng:</b>		<b>16.546,5</b>		<b>1.207.895.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục				ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	<b>Vật kiến trúc</b>							<b>25.410.000</b>
2	Hàng rào thép gai 02 sợi dài 363md, k/c 2,4m				md	363	70.000	25.410.000
B	<b>Cây cối, hoa màu</b>							<b>368.203.000</b>
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	<b>Cây trồng chính</b>							<b>368.203.000</b>
1	Vải đã TH			402	cây	100%	500.000	201.000.000
	<b>Cây trồng phụ</b>							
2	Dứa Queen	3,2841	14.547	47.772	kg	50%	7.000	167.203.000
C	<b>Vật nuôi</b>							<b>0</b>

### III. TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	<b>ĐẤT ĐAI</b>		1.207.895.000
B	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		25.410.000
2	Cây cối, hoa màu		368.203.000
3	Vật nuôi		0
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.601.508.000</b>

### IV. PHẦN HỖ TRỢ:

**2.422.539.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$16.546,5 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 2.415.789.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 28,4 %)

3 khẩu x 5 tháng x 30 kg x 15.000 đồng = 6.750.000

3. Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 0

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

4.024.047.000

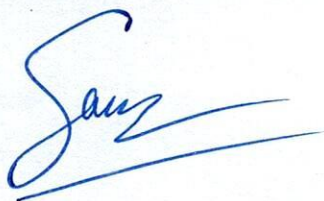
Bằng chữ: Bốn tỷ không trăm hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

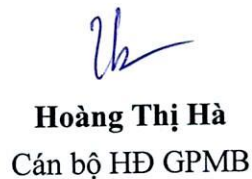
**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Hoàng Thị Hà**  
Cán bộ HD GPMB



**Phan Thị Ngọc Thủy**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Bà Hồ Thị Chung**

**Nhân khẩu: 1**

Địa chỉ: Khối 13, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền     | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

### I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	121	18.339,4	73.000	1.338.776.000
	<b>Cộng:</b>		<b>18.339,4</b>		<b>1.338.776.000</b>

### II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A								0
B								702.919.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m <sup>2</sup> )	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	<b>Cây trồng chính</b>							
1	Nhãn ĐK 3-4 cm	400	18.339,4	734	cây	100%	200.000	146.800.000
2	Nhãn ĐK 3-4 cm			734	cây	50%	200.000	73.400.000
3	Nhãn ĐK 3-4 cm			4.532	cây	30%	200.000	271.920.000
	<b>Cây trồng xen</b>	Năng suất						
4	Dứa queen	3,284	18.339,4	60.228	kg	50%	7.000	210.799.000
<b>C</b>								<b>0</b>

### III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	<b>ĐẤT ĐAI</b>	1.338.776.000
B	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	702.919.000
3	Vật nuôi	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.041.695.000</b>

**IV. PHẦN HỖ TRỢ:****2.706.281.000**

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

18.339,4 m<sup>2</sup> x 73.000 x 2 = 2.677.552.000

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)

1 khẩu x 12 tháng x 30 kg x 15.000 đồng = 5.400.000

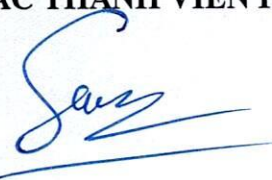
Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 23.329.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Bờ rào chằng dây thép gai 3 sợi, cọc BT và sắt, khoảng cách cột 2-3m	50%	md	569	82.000	23.329.000

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 4.747.976.000***Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng chẵn.***V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:**

.....

.....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG****CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**


**Nguyễn Hoàng Sơn**  
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
Cán bộ HĐ GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc Thủy**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & ĐC**


**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**  
**Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II**

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 07 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

**Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Ngọc Hoan và bà Hồ Thị Nhiều** Nhân khẩu: 13

Địa chỉ: Khối Tân Phong, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**

- |                             |  |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai        | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình         | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;      |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp         | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý    | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn     | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;     |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;  |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền     | CB Hội đồng BT, HT&TĐC.                      |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

**I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:**

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	126	1.795,6	73.000	131.079.000
	<b>Cộng:</b>		<b>1.795,6</b>		<b>131.079.000</b>

## II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu (I+II)							8.978.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Diện tích trồng (ha)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cây rừng trồng tập trung 3-5 năm		0,17956	0,17956	ha	100%	50.000.000	8.978.000
C	Vật nuôi							0

## III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	<b>ĐẤT ĐAI</b>	131.079.000
B	<b>TÀI SẢN TRÊN ĐẤT</b>	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	8.978.000
3	Vật nuôi	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>140.057.000</b>

## IV. PHẦN HỖ TRỢ:

279.708.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$1.795,6 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 262.158.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 9,00 %)

$$13 \text{ khẩu} \times 3 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 17.550.000$$

**Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:**

**419.765.000**

Bằng chữ: Bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn.

## V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....  
 .....

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ  
ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



**Nguyễn Hoàng Sơn**  
Chuyên viên phòng KTHT &  
ĐT



**Trịnh Thị Thanh Huyền**  
Đại diện Chủ đầu tư



**Đậu Thị Thanh Hiền**  
Cán bộ HD GPMB



**Lê Đăng Hiệp**  
Chuyên viên phòng KT,  
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc  
Thuý**  
Chuyên viên  
phòng KT, HT &



**Nguyễn Trọng Tài**  
Chuyên viên phòng  
KT, HT & ĐT



**Hồ Thái Bình**  
Phó Trưởng phòng  
KT, HT & ĐT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC**



**Nguyễn Thị Mai**  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI